

BIỂU SỐ 5: KINH PHÍ BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU (06 THÁNG ĐẦU NĂM) TRONG NĂM 2025 CỦA 03 XÃ CŨ TRƯỚC
(Kèm theo Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 01/8/2025 của HĐND xã Nghĩa Giang)

ĐVT:

STT	Nội dung	Kinh phí ngân sách huyện bổ sung mục tiêu trong năm cho các xã trước sắp xếp	Kinh phí đã sử dụng đến 30/6/2025	KP còn lại tiếp tục thực hiện cho xã Nghĩa Giang (mới)
I	Xã Nghĩa Thuận (cũ)	3.696.914.468	2.390.508.268	1.306.406.200
1	Kinh phí (đợt 1) để thực hiện chương trình xoá nhà tạm, nhà dột nát cho người dân khó khăn về nhà ở trong năm 2025 trên địa bàn huyện Tư Nghĩa (QĐ số 1099 ngày 10/3/2025)	210.000.000	210.000.000	-
2	Kinh phí để thực hiện chính sách nhà ở cho người có công và thân nhân liệt sĩ năm 2025 trên địa bàn huyện Tư Nghĩa (QĐ số 1465 ngày 21/3/2025)	210.000.000	150.000.000	60.000.000
3	Kinh phí chi quà tặng chúc thọ, mừng thọ người cao tuổi năm 2025 (QĐ số 1485 ngày 25/3/2025)	125.070.000	121.405.000	3.665.000
4	Kinh phí cho các đơn vị từ nguồn tăng thu, tiết kiệm chi (QĐ số 1554 ngày 27/03/2025)	1.201.213.000	1.197.459.000	3.754.000
5	Kinh phí để hỗ trợ người dân có vật nuôi bị tiêu huỷ bắt buộc để phòng, chống dịch từ ngày 01/01/2024 đến 31/12/2024 trên địa bàn huyện Tư Nghĩa (QĐ số 1641 ngày 01/04/2025)	54.685.000	54.685.000	-
6	Kinh phí phục vụ công tác lặt ý kiến cử tri về Đề án hợp nhất Đơn vị hành chính cấp tỉnh và Đề án sắp xếp, sáp nhập Đơn vị hành chính cấp tỉnh và Đề án sắp xếp, sáp nhập Đơn vị hành chính cấp xã (QĐ số 2060 ngày 22/4/2025)	25.000.000	25.000.000	-
7	Kinh phí (Đợt 2) phục vụ công tác lặt ý kiến cử tri về Đề án hợp nhất Đơn vị hành chính cấp tỉnh và Đề án sắp xếp, sáp nhập Đơn vị hành chính cấp tỉnh và Đề án sắp xếp, sáp nhập Đơn vị hành chính cấp xã (QĐ số 2060 ngày 22/4/2025)	25.000.000	25.000.000	-
8	Kinh phí (Đợt 1) mua vật liệu đá để làm các tuyến đường BTXM (QĐ số 6773 ngày 24/12/2024)	589.369.268	589.369.268	-
9	Kinh phí hỗ trợ công tác phòng, chống dịch bệnh động vật từ ngày 01/01/2024 đến ngày 31/12/2024 trên địa bàn huyện Tư Nghĩa theo quyết định số 3175/QĐ-UBND ngày 24/05/2025 của UBND huyện Tư Nghĩa	14.590.000	14.590.000	-
10	Kinh phí hỗ trợ cho các đơn vị để phục vụ kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2025. Theo Quyết định số 3956 ngày 18/6/2025 của CT UBND huyện Tư Nghĩa	3.000.000	3.000.000	-
11	Bổ sung kinh phí thực hiện chương trình MTQG giảm nghèo bền vững năm 2025 từ nguồn ngân sách trung ương và vốn đối ứng ngân sách tỉnh, huyện theo số 3901/QĐ-UBND ngày 16/6/2025 của UBND huyện Tư Nghĩa	328.000.000	0	328.000.000
-	<i>Đa dạng hoá kinh tế, phát triển mô hình giảm nghèo (00472)</i>	132.000.000		132.000.000
-	<i>Hỗ trợ phát triển sản xuất (00473)</i>	54.000.000		54.000.000
-	<i>Cải thiện dinh dưỡng (00473)</i>	14.000.000		14.000.000
-	<i>Phát triển giáo dục vùng nghèo, vùng khó khăn (00474)</i>	54.000.000		54.000.000
-	<i>Hỗ trợ việc làm (00474)</i>	38.000.000		38.000.000
-	<i>Truyền thông, giảm nghèo (00476)</i>	8.000.000		8.000.000
-	<i>Nâng cao năng lực (00477)</i>	19.000.000		19.000.000
-	<i>Giám sát (00477)</i>	9.000.000		9.000.000
12	Kinh phí để án hỗ trợ xi măng để xây dựng đường giao thông nông thôn - miền núi trên địa bàn Tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021 -2025 theo quyết định số 5095/QĐ-UBND ngày 24/6/2025 của UBND huyện Tư Nghĩa	910.987.200		910.987.200
II	Xã Nghĩa Kỳ (cũ)	11.483.592.248	5.547.226.527	5.936.365.721

STT	Nội dung	Kinh phí ngân sách huyện bổ sung mục tiêu trong năm cho các xã trước sắp xếp	Kinh phí đã sử dụng đến 30/6/2025	KP còn lại tiếp tục thực hiện cho xã Nghĩa Giang (mới)
1	Kinh phí để thực hiện đầu tư xây dựng công trình: Sửa chữa tuyến đường từ tỉnh lộ 623B đi Bàu lằng (QĐ·số 271 ngày 17/01/2025)	480.000.000	480.000.000	0
2	Kinh phí để thanh toán các công trình sửa chữa các tuyến đường giao thông tại xã Nghĩa Kỳ (QĐ·số 272 ngày 16/01/2025)	500.000.000	500.000.000	0
3	Kinh phí thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới năm 2025 từ nguồn ngân sách trung ương, đối với ngân sách tỉnh (QĐ·số 560 ngày 14/02/2025) thay thế QĐ 1463 ngày 21/3/2025 vì lý do thay đổi tên cơ quan do sáp nhập	90.000.000	10.000.000	80.000.000
-	Nâng cao chất lượng đời sống văn hoá thôn, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hoá (QĐ·số 560 ngày 14/02/2025) Mã CTMT: 20496	20.000.000	-	20.000.000
-	Nâng cao chất lượng môi trường xây dựng cảnh quan thôn sáng xanh sạch đẹp (QĐ·số 560 ngày 14/02/2025) Mã CTMT: 20497	60.000.000	-	60.000.000
-	Nâng cao chất lượng công việc và hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát đánh giá kết quả thực hiện CTXD hệ thống giám sát đánh giá nhân rộng mô hình giám sát an Ninh (QĐ·số 560 ngày 14/02/2025) Mã CTMT: 20502	10.000.000	10.000.000	0
7	Kinh phí (đợt 1) để thực hiện chương trình xoá nhà tạm, nhà dột nát cho người dân khó khăn về nhà ở trong năm 2025 trên địa bàn huyện Tư Nghĩa (QĐ·số 1099 ngày10/3/2025)	390.000.000	390.000.000	0
8	Kinh phí để thực hiện chính sách nhà ở cho người có công và thân nhân liệt sĩ năm 2025 trên địa bàn huyện Tư Nghĩa (QĐ·số 1465 ngày 21/3/2025)	750.000.000	750.000.000	0
9	Kinh phí chi quà tặng chúc thọ, mừng thọ người cao tuổi năm 2025 (QĐ·số 1485 ngày 25/3/2025)	277.920.000	274.340.000	3.580.000
10	Kinh phí (đợt 2) để thực hiện chương trình xoá nhà tạm, nhà dột nát cho người dân khó khăn về nhà ở trong năm 2025 trên địa bàn huyện Tư Nghĩa (QĐ·số 1546 ngày 26/3/2025)	120.000.000	120.000.000	0
11	Kinh phí cho các đơn vị từ nguồn tăng thu, tiết kiệm chi (QĐ·số 1554 ngày 27/03/2025)	1.120.863.000	1.084.553.000	36.310.000
12	Kinh phí để hỗ trợ người dân có vật nuôi bị tiêu huỷ bắt buộc để phòng, chống dịch từ ngày 01/01/2024 đến 31/12/2024 trên địa bàn huyện Tư Nghĩa (QĐ·số 1641 ngày 01/04/2025)	28.994.000	28.994.000	0
13	Kinh phí để thực hiện công trình sửa chữa, duy tu bảo dưỡng tuyến kênh BM3-1 xã Nghĩa Kỳ (QĐ·số 1946 ngày 14/04/2025)	795.000.000	783.421.000	11.579.000
14	Kinh phí và thu hồi để thực hiện chính sách nhà ở cho người có công và thân nhân liệt sĩ năm 2025 trên địa bàn huyện Tư Nghĩa (QĐ·số 1465 ngày 18/04/2025)	60.000.000	60.000.000	0
15	Kinh phí hỗ trợ bảo vệ rừng để thực hiện Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững năm 2025 trên địa bàn huyện Tư Nghĩa (QĐ·số 2000 ngày 17/04/2025)	1.006.500	1.006.500	0
16	Kinh phí thực hiện chế độ phụ cấp không chuyên trách xã, thôn và tổ dân phố theo Nghị quyết số 30/2023/NQ-HĐND cho UBND xã Nghĩa Kỳ (QĐ·số 20004 ngày 17/04/2025)	144.000.000	144.000.000	0
17	Kinh phí phục vụ công tác lất ý kiến cử tri về Đề án hợp nhất Đơn vị hành chính cấp tỉnh và Đề án sắp xếp, sáp nhập Đơn vị hành chính cấp tỉnh và Đề án sắp xếp, sáp nhập Đơn vị hành chính cấp xã (QĐ·số 2060 ngày 22/4/2025)	45.000.000	45.000.000	0
18	Kinh phí (Đợt 2) phục vụ công tác lất ý kiến cử tri về Đề án hợp nhất Đơn vị hành chính cấp tỉnh và Đề án sắp xếp, sáp nhập Đơn vị hành chính cấp tỉnh và Đề án sắp xếp, sáp nhập Đơn vị hành chính cấp xã (QĐ·số 2060 ngày 22/4/2025)	45.000.000	45.000.000	0

STT	Nội dung	Kinh phí ngân sách huyện bổ sung mục tiêu trong năm cho các xã trước sắp xếp	Kinh phí đã sử dụng đến 30/6/2025	KP còn lại tiếp tục thực hiện cho xã Nghĩa Giang (mới)
19	Kinh phí (Đợt 1) cho UBND các xã để mua vật liệu (đá) xây dựng đường giao thông nông thôn thực hiện CTMTQG xây dựng NTM năm 2025.(QĐ·số 6773 ngày 27/12/2024)	826.146.248	825.502.027	644.221
20	Kinh phí hỗ trợ công tác phòng chống dịch bệnh động vật từ ngày 01/01/2024 đến hết ngày 31/12/2024 trên địa bàn huyện Tư Nghĩa.(QĐ·số 3175 ngày 24/5/2025)	5.410.000	5.410.000	0
21	Kinh phí xây dựng KDC nông thôn kiểu mẫu.(QĐ·số 3162 ngày 23/5/2025)	165.000.000	-	165.000.000
22	Kinh phí sự nghiệp CTMT QG giảm nghèo 2025 (QĐ: 3901/QĐ-UBND ngày 16/6/2025)	909.000.000		909.000.000
-	<i>Đa dạng hoá kinh tế, phát triển mô hình giảm nghèo (00472)</i>	368.000.000	-	368.000.000
-	<i>Hỗ trợ phát triển sản xuất (00473)</i>	152.000.000	-	152.000.000
-	<i>Cải thiện dinh dưỡng (00473)</i>	37.000.000	-	37.000.000
-	<i>Phát triển giáo dục vùng nghèo (00474)</i>	150.000.000	-	150.000.000
-	<i>Hỗ trợ việc làm (00474)</i>	106.000.000	-	106.000.000
-	<i>Truyền thông giảm nghèo (00476)</i>	22.000.000	-	22.000.000
-	<i>Nâng cao năng lực (00477)</i>	50.000.000	-	50.000.000
-	<i>Giám sát (00477)</i>	24.000.000	-	24.000.000
23	Kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2025 từ nguồn vốn ngân sách trung ương, đối ứng ngân sách tỉnh (QĐ·số 3942 ngày 17/06/2025) TB 1.120.000.000	60.000.000		60.000.000
-	<i>Tăng cường công tác giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình; nâng cao năng lực xây dựng NTM, truyền thông về xây dựng NTM (Mã CTMT: 20502)</i>	60.000.000	-	60.000.000
24	KP thực hiện đề án xi măng (QĐ: 5095/QĐ-UBND ngày 24/6/2025) (20492)	4.555.252.500	-	4.555.252.500
25	KP di dời, bố trí trụ sở (QĐ: 5105/QĐ-UBND ngày 26/6/2025)	75.000.000	-	75.000.000
26	KP di dời, bố trí trụ sở (QĐ: 5176/QĐ-UBND ngày 27/6/2025)	40.000.000	-	40.000.000
III	Xã Nghĩa Điền (cũ)	1.717.817.199	662.021.599	1.055.795.600
1	Kinh phí để mua vật liệu (đá) xây dựng đường GTNT thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia XDNTM năm 2024 (Mã CTMT 30492)	160.955.599	160.901.599	54.000
2	Kinh phí xóa nhà tạm, nhà dột nát cho người dân khó khăn về nhà ở	210.000.000	210.000.000	0
3	Kinh phí thực hiện chính sách nhà ở cho người có công và thân nhân liệt sĩ năm 2025	120.000.000	120.000.000	0
4	Kinh phí chúc thọ, mừng thọ năm 2025	139.220.000	131.120.000	8.100.000
5	Kinh phí phục vụ công tác lấy ý kiến cử tri về Đề án hợp nhất đơn vị hành chính cấp tỉnh, cấp xã	20.000.000	20.000.000	0
6	Kinh phí phục vụ công tác lấy ý kiến cử tri về Đề án hợp nhất đơn vị hành chính cấp tỉnh, cấp xã (đợt 2)	20.000.000	20.000.000	0
7	Kinh phí thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững năm 2025	444.000.000		444.000.000
-	<i>Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo (00472)</i>	181.000.000		181.000.000
-	<i>Cải thiện dinh dưỡng: 19tr (00473)</i>	19.000.000		19.000.000
-	<i>Hỗ trợ phát triển sản xuất: 73tr (00473)</i>	73.000.000		73.000.000
-	<i>Hỗ trợ giáo dục: 73tr, Hỗ trợ việc làm bền vững: 51tr (00474)</i>	124.000.000		124.000.000
-	<i>truyền thông giảm nghèo (00476)</i>	10.000.000		10.000.000
-	<i>Nâng cao năng lực: 25tr, Giám sát, đánh giá: 12tr (00477)</i>	37.000.000		37.000.000

STT	Nội dung	Kinh phí ngân sách huyện bổ sung mục tiêu trong năm cho các xã trước sắp xếp	Kinh phí đã sử dụng đến 30/6/2025	KP còn lại tiếp tục thực hiện cho xã Nghĩa Giang (mới)
7	Kinh phí thực hiện đề án hỗ trợ xi măng xây dựng đường GTNT-miền núi giai đoạn 2021-2025, năm 2025 (Mã CTMT 20492)	603.641.600		603.641.600
	Cộng	16.898.323.915	8.599.756.394	8.298.567.521

Ghi Chú